

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SA THẦY  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/HNGĐ-ST.**

Ngày: 29-3-2021.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hạnh và ông Đỗ Hiền Lương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Công Anh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Ông Phan Hà Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 (số thụ lý cũ: 78/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020) về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn V, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

*Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn V, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn D tự nguyện kết hôn và được UBND thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26 tháng 03 năm 2012. Sau khi kết hôn, chung sống đến khoảng năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, anh D thường xuyên say xỉn không quan tâm đến vợ con, xúc phạm vợ và gia đình vợ. Đến khoảng tháng 3 năm 2020 thì mâu thuẫn gay gắt và

vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị H không còn tình cảm với anh D nữa nên đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Thị Phương V, sinh ngày 09/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 09/5/2016. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con chung tên là Trần Quốc M, sinh ngày 09/5/2016 và anh D nuôi con chung là Trần Thị Phương V, sinh ngày 09/8/2012.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn anh Trần Văn D:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc thông báo thụ lý vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho anh D nhưng anh D đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là đề nghị được nuôi 02 con chung tên là Trần Thị Phương V, sinh ngày 09/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 09/5/2016 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử ... Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn D.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là Trần Thị Phương V, sinh ngày 09/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi **các** con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết ly hôn với anh Trần Văn D có nơi cư trú tại Thôn V, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Đây là tranh chấp thuộc khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Đối với bị đơn anh Trần Văn D, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc thông báo thụ lý vụ án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng anh Trần Văn D đều vắng mặt không lý do. Do đó, anh Trần Văn D đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn D.

**Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nuôi con chung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.** HĐXX xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn D đăng ký kết hôn trên Hh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum vào ngày 26/3/2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H: Chị cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, anh D thường xuyên say xỉn không quan tâm đến vợ con, xúc phạm vợ và gia đình vợ. Đến khoảng tháng 3 năm 2020 thì mâu thuẫn gay gắt và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Trần Văn D không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H dù đây là lần khởi kiện thứ 2 và vắng mặt trong suốt quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay, điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Phạm Thị H. Tại biên bản xác M ngày 08/01/2021 đại diện chính quyền địa phương xác nhận: Trong quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng anh Trần Văn D và chị Phạm Thị H có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H xác định không còn tình cảm với anh Trần Văn D dù đã được Hội đồng xét xử phân tích, động viên để đoàn tụ gia đình. Hiện nay, các đương sự đã sống ly thân. Như vậy, việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình đã không được thực hiện theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Trần Văn D và chị Phạm Thị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Thị Phương V, sinh ngày 09/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 09/5/2016.

Khi ly hôn chị Phạm Thị H có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 16/12/2020 của cháu Trần Thị Phương V thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hơn nữa, các cháu Trần Thị Phương V và Trần Quốc M còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ nên việc giao con chung cho chị Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con và phù hợp với nguyện vọng của con. Do đó, giao 02 con chung tên là Trần Thị Phương V, sinh ngày 09/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi các đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng và tài sản chung thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020 và yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Phạm Thị H.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Văn D.

**2. Về con chung:** Giao 02 con chung tên là Trần Thị Phương V, sinh ngày 09/8/2012 và Trần Quốc M, sinh ngày 09/5/2016 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự lập được. Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Tài sản chung và nợ chung :** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004105 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày (*mười lăm ngày*), kể từ ngày tuyên án (29/3/2021) nguyên đơn có quyền gửi đơn kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Sở tư pháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Lâm**